

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2019

*“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Trĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thêm.

2. Ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13/5/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 49/QĐXX-ST, ngày 01/8/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị H - sinh năm: 1990. có mặt.

Quê quán: Thôn X xã Đ huyện K tỉnh Hưng Yên.

HKTT: thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn A - sinh năm: 1984. Có mặt.

HKTT, trú tại: thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Cháu Hoàng Văn L - sinh ngày 14/7/2010.

3.2 Cháu Hoàng Thùy N - sinh ngày 01/5/2012.

4. *Người giám hộ cho cháu L, cháu N:* Anh Hoàng Văn A và chị Đào Thị H (bố, mẹ đẻ của các cháu), có mặt.

Đều có HKTT: thôn T xã C huyện K, tỉnh Hưng Yên.

5. *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn X - sinh năm 1952 (vắng mặt).

Trú tại: thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị xây dựng gia đình với anh Hoàng Văn A, sinh năm 1984, hiện trú tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với

nhau, không bị ai ép buộc, anh, chị đã được UBND xã C đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 02 năm 2009.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu và về chung sống với anh A tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên, cuộc sống vợ chồng diễn ra bình thường cho đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, anh A là người mải chơi, thường rượu chè và hay ghen tuông vô cớ, chị đã nhiều lần tìm cách giải thích và động viên nhưng anh A không thay đổi, do cuộc sống quá mệt mỏi đã nhiều lần chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng sau đó anh A tìm đến xin lỗi, vì thương con còn nhỏ nên chị lại quay về đoàn tụ, mặt khác do mâu thuẫn với mẹ chồng, vợ chồng chị đã phải thuê nhà ở thôn 4 xã Đ sinh sống từ đầu năm 2018, hai vợ chồng chị cũng đã ly thân khoảng hơn 01 tháng nay, thỉnh thoảng chị có quay về nhưng cũng chỉ là để thăm con. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012, hiện đang ở với anh A. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, việc đóng góp nuôi con chung, chị không yêu cầu anh A phải có trách nhiệm.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03: Không có gì liên quan nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2019, ngày 31/5/2019, bị đơn anh Hoàng Văn A trình bày:

Về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H đã trình bày. Về diễn biến và nguyên nhân mâu thuẫn, theo quan điểm của anh A, vợ chồng anh, chị phát sinh mâu thuẫn từ hơn 01 năm nay, vợ chồng đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, khi bất đồng anh tham gia nhưng chị H không nghe còn chửi lại, anh tính nóng nảy, nhiều khi không kiềm chế được đã đánh chị H, ngoài ra giữa chị H và mẹ anh có nhiều bất đồng không thể dung hòa được, chị H đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ sinh sống, anh có tìm gặp động viên vợ chồng lại quay về đoàn tụ, vợ chồng còn chung sống là vì các con còn nhỏ, thực tế đã ly thân từ lâu. Nay chị H xin ly hôn, xét thấy anh còn tình cảm với chị H và con còn nhỏ nên anh không nhất trí mà có nguyện vọng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012, hiện đang ở với cả hai anh, chị. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn cháu L giao cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, việc đóng góp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị H phải có trách nhiệm.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp chung và về đất nông nghiệp 03: Anh không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Văn L và Hoàng Thùy N trình bày: Các cháu là con của anh Hoàng Văn A

và chị Đào Thị H, có hộ khẩu thường trú tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên, hiện nay các cháu đang ở cùng với chị H và anh A.

Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A và chị H do các cháu còn nhỏ nên các cháu không biết. Nếu ly hôn cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với anh A

Tại biên bản hòa giải ngày 31/5/2019, chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn, anh A có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung, cả hai đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, việc đóng góp nuôi con chung cả hai không đặt ra giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/7/2019, chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn, anh A có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn để anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, anh A có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, việc đóng góp nuôi con chung cả hai không đặt ra giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/8/2019, chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn, anh A có nguyện vọng vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung, chị H có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu không được chị xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn để anh A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, anh A có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, việc đóng góp nuôi con chung cả hai không đặt ra giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019, người làm chứng là ông Hoàng Văn X trình bày: Ông là bố đẻ của anh Hoàng Văn A, sinh năm 1952, hiện trú tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên.

Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống đúng như chị H, anh A đã trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh A phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng nhau, kinh tế gia đình không đồng nhất, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng anh A, chị H đã ly thân, nhưng vợ chồng vẫn qua lại thăm con chung.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012, hiện đang ở với anh A.

Về các mối quan hệ liên quan của vợ chồng A, H: Không có gì liên quan

Nay chị H xin được ly hôn với anh A, gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được tình trạng hôn nhân của anh, chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh, chị và theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại UBND xã C ngày 17/7/2019 xác định: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn A xây dựng gia đình trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, anh, chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 26/02/2009, sau khi cưới, chị H chuyển về chung sống với anh A tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012, hiện nay đang ở cùng với anh A và chị H. Ngoài ra, chính quyền địa

phương còn đưa ra quan điểm về các vấn đề liên quan. Việc chị H xin được ly hôn với anh A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị Đào Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, về nuôi con chung chị có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu, nếu không được chị xin chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, còn cháu L để anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp nuôi con chung chị không yêu cầu đặt ra giải quyết, đồng thời chị đưa ra quan điểm về các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Anh Hoàng Văn A giữ nguyên quan điểm xin được đoàn tụ, nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu không được tùy quyết định của pháp luật, việc đóng góp nuôi con chung anh không yêu cầu đặt ra giải quyết, đồng thời anh đưa ra quan điểm về các quan hệ liên quan như đã khai tại Tòa án trước đây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012 cho chị H chăm sóc; nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn anh A, chị H được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh A, chị H đối với hai bên gia đình: Không có gì liên quan, không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 06/5/2019, chị Đào Thị H có đơn khởi kiện anh Hoàng Văn A, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan, anh Hoàng Văn A có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn T xã C huyện K tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã C huyện K tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2009. Do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng và thường xuyên đánh cãi, chửi nhau, chị H nhiều lần bỏ về gia đình nhà bố mẹ đẻ, việc chị quay lại chung sống cũng chỉ vì các con của anh chị còn nhỏ, quá trình giải quyết chị H cương quyết xin được ly hôn, anh A có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh cũng khẳng định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống, hạnh phúc gia đình của anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh A để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung*: Chị Đào Thị H và anh Hoàng Văn A có hai con chung là cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 và cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012. Quá trình giải quyết anh chị thường xuyên thay đổi nguyện vọng nuôi con, mặc dù các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh A, nhưng từ trước đến nay, các cháu thường xuyên ở cùng và được cả anh A, chị H chăm sóc. Nguyện vọng xin được nuôi con chung của hai anh chị là hoàn toàn chính đáng, xét về điều kiện kinh tế và hoàn cảnh sống của hai anh chị, cháu Hoàng Thùy N là con gái và còn nhỏ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên giao cháu N cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và giao cháu Hoàng Văn L cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng như vậy sẽ đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do cả hai anh chị không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh A, chị H có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Do cả hai anh, chị không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Đào Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn A.
2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Hoàng Văn L, sinh ngày 14/7/2010 cho anh Hoàng Văn A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
Giao cháu Hoàng Thùy N, sinh ngày 01/5/2012 cho chị Đào Thị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
Việc đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.
Chị Đào thị H, anh Hoàng Văn A có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.
3. *Về tài sản chung; công nợ chung của vợ chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình*: Không đặt ra giải quyết.
4. *Về án phí*: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0001202, ngày 13/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H đã thi hành xong phần án phí.
5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/8/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND Huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ; C.
- Chi cục THADS Huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Trinh